|  |  |
| --- | --- |
| BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  **TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT BẮC NINH** | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**THÔNG TIN TÓM TẮT**

**VỀ NHỮNG KẾT LUẬN MỚI CỦA LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

1. Tên luận án: Đánh giá trình độ chuẩn bị chức năng của nam vận động viên vật tự do trình độ cao.

2. Chuyên ngành: **Giáo dục học**

3. Mã số: **9140101**

4. Họ tên NCS: Ngô Sách Thọ

5. Họ tên người hướng dẫn NCS:

Hướng dẫn 1: PGS.TS. Đặng Văn Dũng

Hướng dẫn 2: GS.TS. Lưu Quang Hiệp

6. Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

7. Những kết luận mới của luận án:

**Mục đích nghiên cứu:**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn luận án sẽ xác định được các tiêu chí kiểm tra trình độ chuẩn bị chức năng của vận động viên (VĐV) đảm bảo độ tin cậy và tính thông báo cao trong nghiên cứu, đồng thời đánh giá trình độ chuẩn bị chức năng cơ thể của nam VĐV vật trình độ cao theo các thời kỳ trong chu kỳ huấn luyện năm.

**Đối tượng nghiên cứu:**

Đối tượng chủ thể: Trình độ chuẩn bị chức năng của nam VĐV vật tự do trình độ cao.

Đối tượng khảo sát: Gồm 32 huấn luyện viên, chuyên gia và giáo viên.

Đối tượng kiểm tra: Gồm 67 vận động viên nam (35 vận động viên kiện tướng và 32 vận động viên cấp 1) thuộc các đơn vị: Trung tâm HLTT Quốc gia Hà Nội; Trung tâm Huấn luyện TDTT Quân đội; Trung tâm Huấn luyện TDTT Công an Nhân dân; Trung tâm TDTT Thái Nguyên; Trung tâm TDTT Bắc Ninh.

**Phương pháp nghiên cứu đã sử dụng:**

Trong quá trình nghiên cứu, luận án đã sử dụng 6 phương pháp thường quy trong nghiên cứu khoa học thể dục thể thao. Các phương pháp gồm: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn, toạ đàm; Phương pháp quan sát sư phạm; Phương pháp kiểm tra sư phạm; Phương pháp kiểm tra y sinh và Phương pháp toán học thống kê.

**Các kết quả nghiên cứu chính của luận án:**

Luận án đã xác định được các tiêu chí đánh giá trình độ chuẩn bị chức năng của nam VĐV vật tự do trình độ cao theo các hệ chức năng: Thần kinh – tâm lý; Tuần hoàn; Hô hấp. Các tiêu chí được lựa chọn ở 3 trạng thái gồm:Trạng thái tĩnh gồm 15 tiêu chí : Dung tích sống (ml/kg); Dung tích sống đột ngột (%); Thông khí phổi gắng sức (lít/phút); Chu chuyển tim; PQ (giây); QRS (giây); QT (giây); TP (giây); Cảm giác lực bóp tay thuận (%); Cảm giác lực bóp tay không thuận (%); Cảm giác lực kéo cơ lưng (%); Phản xạ đơn (ms); Phản xạ phức (ms); Thăng bằng (s); Soát vòng hở landol.Trạng thái vận động gồm 6 tiêu chí : VO2 max (ml/kg/phút); Thương sô hô hấp; Thông khí phổi tối đa (lít/kg/phút); Tần số nhịp tim (lần/phút); Huyết áp tối đa (mmHg); Huyết áp tối thiểu (mmHg).Trạng thái ngay sau vận động gồm 5 tiêu chí : VO2 max (ml/kg/phút); Thông khí phổi tối đa (lít/kg/phút); Tần số nhịp tim (lần/phút); Huyết áp tối đa (mmHg); Huyết áp tối thiểu (mmHg)).

Luận án đã xác định được đặc điểm và diễn biến của các tiêu chí chức năng của nam VĐV vật tự do theo các thời kỳ trong chu kỳ huấn luyện năm. Các tiêu chí chức năng của nam VĐV vật tự do đạt được ở ngưỡng tối ưu của người bình thường khỏe mạnh và có xu hướng thích nghi với lượng vận động thể lực. Các tiêu chí chức năng tốt nhất ở thời kỳ thi đấu kém nhất ở thời kỳ chuẩn bị chung. Nhịp tăng trưởng của các tiêu chí đánh giá trình độ chuẩn bị chức năng giữa thời kỳ chuẩn bị chuyên môn và thời kỳ thi đấu tốt hơn so với thời kỳ chuẩn bị chung và thời kỳ chuẩn bị chuyên môn. Sự khác biệt trình độ chuẩn bị chức năng của nam VĐV vật tự do giữa thời kỳ chuẩn bị chung và thời kỳ thi đấu ở nhiều chỉ số đã thể hiện sự khác biệt ở ngưỡng xác xuất p<0.05.

Luận án đã xây dựng được thang đánh giá trình độ chuẩn bị chức năng của nam VĐV vật tự do trình độ kiện tướng và trình độ cấp 1 theo các thời kỳ trong chu kỳ huấn luyện năm. Đồng thời, các tiêu chí và thang điểm đã được kiểm nghiệm tính hiệu quả trong đánh giá trình độ chuẩn bị chức năng của VĐV vật tự do trình độ chuyên môn cao trong quá trình huấn luyện.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người hướng dẫn 1**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **PGS.TS. Đặng Văn Dũng** | **Người hướng dẫn 2**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **GS.TS. Lưu Quang Hiệp** | **Nghiên cứu sinh**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  **Ngô Sách Thọ** |

|  |  |
| --- | --- |
| MINISTRY OF CULTURE, SPORTS AND TOURISM  **BAC NINH UNIVERSITY OF SPORTS** | SOCIALISM REPUBLIC OF VIETNAM  Independence - Freedom - Happiness |

SUMMARY INFORMATION

ABOUT NEW CONCLUSIONS OF THE DOCTOR’S THESIS

1. The name of thesis: Evaluating the level of functional preparation of male freedom wrestler in high level.

2. Specialization: Pedagogics

3. Code: **9140101**

4. PhD student’s Fullname: Ngô Sách Thọ

5. Instructor’s fullname:

The first instructor: Associate Professor, Doctor. Dang Van Dung

The first instructor: Professor, Doctor. Luu Quang Hiep

6. Training agency: **BAC NINH UNIVERSITY OF SPORTS**

7. New conclusions of thesis.

**Researching aims:**

On the basis of theoretical and practical research, the thesis will determine the criteria for examining the skill preparation level of athletes (athletes) to ensure the reliability and high notification in research, and at the same time assess the level of preparation of body function of male athletes with high level of skill in periods of five training cycles.

**Researching subjects:**

Active subject: Functional preparation level of male male freedom wrestler in high level.

Examiners: Including 32 coaches, experts and teachers.

Candidates: Including 67 male athletes (35 athletes of grandmasters and 32 first-class athletes) belonging to: Hanoi National Center of Training Sports; Military Sports Training Center; People's Police Training and Sports Center; Thai Nguyen Sports Center; Bac Ninh Sports Center.

**Used Researching Method:**

During the researching process, the thesis is used 6 methods which is regulated in scientific research and sports. Methods include: They are analyzing and synthesizing documents, interview, discussion, pedagogical observation, pedagogical examination, Biomedical Test, and statistical Math.

**The main research results of the thesis:**

The thesis has identified criteria to assess the functional preparation level of male freedom wrestler in high level according to functional systems: Neurology - psychology; Cyclic; Respiratory. The criteria are selected in 3 states: Static status includes 15 criterias: Living capacity (ml / kg); Sudden living capacity (%); Pulmonary exertion ventilation (liters / minute); Cardiac bypass; PQ (seconds); QRS (seconds); QT (seconds); TP (seconds); Feeling the force of flexing hand (%); The feeling of hand squeezing force is not favorable (%); Sensation of back muscle pull (%); Single reflection (ms); Complex reflection (ms); Balance (s); Control landol openings. Motor status includes 6 criteria: VO2 max (ml / kg / minute); Respiratory injury; Maximum pulmonary ventilation (liters / kg / minute); Heart rate frequency (time / minute); Maximum blood pressure (mmHg); Minimum blood pressure (mmHg). The state immediately after mobilization consists of 5 criteria: VO2 max (ml / kg / minute); Maximum pulmonary ventilation (liters / kg / minute); Heart frequency (time / minute); Maximum blood pressure (mmHg); Minimum blood pressure (mmHg)).

The thesis has shown the characteristics and evolution of functional criteria of male freedom wrestler in the periods of the training year. The functional criterias of male freedom wrestler achieve the optimal level of which normal people are healthy and tend to the physical activity. The best functional criterias in the worst competition period in the general preparation period. The growth rate of the criterias for assessing functional preparation between the preparation period and the competition period is better than the general preparation period and the professional preparation period. The difference in functional preparation level of freedom wrestler between the general preparation period and the competition period in many indicators showed differences in probability thresholds p <0.05.

The thesis has built a scale to assess the functional preparation level of male freedom wrestler who are qualification of grandmaster and level 1 base on the periods in the year training cycle. At the same time, the criteria and scale have been tested for effectiveness in assessing the level of functional preparation of free wrestlers with high professional qualifications in the training process.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Instructor 1**  **Assoc. Prof. Dr. Đang Van Dung** | **Instructor 2**  **Prof. Dr. Luu Quang Hiep** | **PhD student**  **Ngo Sach Tho** |